

Số: 939 /QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp Trung cấp nghề, Trung cấp hệ chính quy
cho học sinh khóa 16 TCN (9+3) và khóa cũ thi lại**

Kỳ thi tháng 8/2019

Và xét tháng 8/2019 diện trả nợ học phần

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-LTT-TC ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường”;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 948/QĐ-LTT-ĐT ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 16 TC (9+3); Trung cấp nghề khóa 16 TCN (9+3); Trung cấp khóa 17 T2 (1N3T); Cao đẳng nghề khóa 16 CĐN (12+3); Liên thông cao đẳng khóa 2017 và các khóa cũ thi lại Năm học 2018 -2019;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-LTT-ĐT ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh, thay thế thành viên Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 16 TC (9+3); Trung cấp nghề khóa 16 TCN (9+3); Trung cấp khóa 17 T2 (1N3T); Cao đẳng nghề khóa 16 CĐN (12+3); Liên thông cao đẳng khóa 2017 và các khóa cũ thi lại Năm học 2018 -2019;

Căn cứ Bản thống nhất ý kiến Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp nghề khóa 16 TCN (9+3), kỳ thi tháng 8/2019 và xét tháng 8/2019 diện trả nợ học phần;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp Trung cấp, Trung cấp nghề hệ chính quy cho 91 học sinh khóa 17 T2 (1N3T), 16 TCN (9+3) và các khóa cũ thi lại như sau:

1. Xét tốt nghiệp tháng 8 năm 2019 khóa 17 T2: 01 học sinh

2. Khóa 16 TCN (9+3) và khóa cũ thi lại: 90 học sinh

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *nhu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Đệ
Đinh Văn Đệ



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP NGHỀ
KỲ THI THÁNG 8/2019**

(Kèm theo Quyết định số: **939** /QĐ-LTT-ĐT ngày **28** tháng 8 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
1	15000832	Phạm Trương Thiên	Phước	Nam	07/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-CKL	6,8	7,3	Khá			
2	15001309	Võ Quốc	Huy	Nam	05/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-Đ	7,2	7,2	Khá	X	X	
3	15000149	Huỳnh Triệu Thái	Bình	Nam	15/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-ĐT	6,1	6,4	Trung bình khá		X	
4	15000212	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	13/08/2000	Kon Tum	15TCN-ĐT	6,5	6,4	Trung bình khá			
5	15001424	Trần Trọng	Hợp	Nam	01/04/2000	Bắc Ninh	15TCN-ĐT	6,6	6,7	Trung bình khá	X		
6	15000032	Lê Đỗ Quang	Huy	Nam	30/08/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-ĐT	6,8	7,2	Khá			
7	15000252	Trần Gia	Huy	Nam	24/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-ĐT	6,5	6,8	Trung bình khá		X	
8	15000141	Phạm Thanh	Nhân	Nam	03/09/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-ĐT	6,4	5,9	Trung bình		X	
9	15000022	Nguyễn Đức	Duy	Nam	23/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-LĐL	6,6	6,2	Trung bình khá			
10	15003484	Phạm Hoàng	Duy	Nam	03/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-LĐL	6,8	7,3	Khá			
11	15002989	Nguyễn Đình	Mạnh	Nam	22/05/2000	Nghệ An	15TCN-LĐL	7	7,9	Khá			
12	15003380	Vương Tuệ	Ngọc	Nữ	18/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-MTT	7,3	8	Giỏi			
13	15000278	Bùi Duy	Đại	Nam	04/08/2000	Bắc Ninh	15TCN-Ô1	6,1	5,6	Trung bình			
14	15002720	Lê Anh	Hào	Nam	09/05/1998	Gia Lai	15TCN-Ô1	7	6,2	Trung bình khá			
15	15000357	Nguyễn Đức	Huỳnh	Nam	09/06/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-Ô1	6,5	5,8	Trung bình			
16	15001011	Nguyễn Thành	Long	Nam	21/10/1999	Khánh Hoà	15TCN-Ô1	6,8	7	Khá			

STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
17	15000219	Nguyễn Vũ Nhật	Phi	Nam	28/09/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-Ô1	6,4	5,7	Trung bình			
18	15001554	Nguyễn Trí	Quyên	Nam	30/09/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-Ô1	7	7,1	Khá			
19	15000241	Trần Hoàng	Ân	Nam	2/2/2000	Trà Vinh	15TCN-QTM1	7,3	7,9	Khá		X	
20	15000072	Trần Quang	Long	Nam	13/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-QTM1	6,6	5,8	Trung bình		X	
21	15000064	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	07/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-QTM1	6,4	5,7	Trung bình			
22	15000011	Phương Bình	Quân	Nam	12/3/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-QTM1	6,4	7,1	Khá			
23	15000369	Lê Ngọc	Trân	Nữ	09/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-QTM1	6,5	6,1	Trung bình khá			
24	16000306	Nguyễn Đình Quốc	Ân	Nam	10/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	6,8	6,6	Trung bình khá			
25	16000091	Huỳnh Minh	Chiến	Nam	21/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	6,6	6,3	Trung bình khá			
26	16000181	Lê Văn	Chung	Nam	24/03/2001	Thanh Hoá	16TCN-CKL	6,6	6,4	Trung bình khá			
27	16002687	Bùi Tiến	Đạt	Nam	03/08/2000	Hải Dương	16TCN-CKL	7,8	7,6	Khá			
28	16000089	Trần Việt	Hoàng	Nam	24/05/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	6,5	6,1	Trung bình khá			
29	16000229	Phan Lâm	Huy	Nam	20/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	7,5	7,2	Khá			
30	16000591	Trần Đăng	Khoa	Nam	02/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	7,2	6,8	Trung bình khá			
31	16000353	Huỳnh Hà	Lâm	Nam	20/07/2001	Bình Thuận	16TCN-CKL	6,9	7	Khá			
32	16002169	Nguyễn Xuân Tài	Lộc	Nam	12/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	6,8	6,3	Trung bình khá			
33	16000398	Châu Kim	Phước	Nam	06/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	7,9	7,8	Khá			
34	16000078	Phạm Minh	Sĩ	Nam	16/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	7,1	7	Khá			
35	16002587	Nguyễn Tân	Tiến	Nam	04/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	7,6	7,6	Khá			
36	16000965	Nguyễn Đức	Trình	Nam	01/10/2000	Quảng Ngãi	16TCN-CKL	7	7	Khá	X		
37	16001852	Nguyễn Văn Quốc	Việt	Nam	03/06/2000	Đắk Lắk	16TCN-CKL	6,5	6,1	Trung bình khá			
38	16000423	Huỳnh Quốc	Ân	Nam	21/08/2001	Lâm Đồng	16TCN-Đ	7,3	7	Khá		X	

STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
39	16002893	Nguyễn Văn	Hoài	Nam	15/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Đ	6,9	7	Khá		X	
40	16000002	Thân Tấn	Phát	Nam	29/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Đ	6,4	6,1	Trung bình khá			
41	16000595	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	10/05/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Đ	7,4	7,5	Khá		X	
42	16000656	Hồ Lê Kim	Tân	Nam	23/05/2001	Bến Tre	16TCN-Đ	7,1	7,2	Khá		X	
43	16000084	Bùi Trần Minh	Trị	Nam	15/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Đ	7,2	7,4	Khá		X	
44	16003607	Đổng Minh	Tuấn	Nam	26/02/1992	Bến Tre	16TCN-Đ	7,8	8	Giỏi			
45	16000007	Mai Minh	Hiếu	Nam	15/10/2001	Cà Mau	16TCN-ĐT	7,8	8,2	Giỏi		X	
46	16000345	Hoàng Anh	Kỳ	Nam	10/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-ĐT	6,9	7,3	Khá			
47	16000040	Nguyễn Ngọc	Long	Nam	13/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-ĐT	7	6,6	Trung bình khá		X	
48	16000067	Lê Minh	Thông	Nam	12/09/2001	Cần Thơ	16TCN-ĐT	7,1	6,9	Trung bình khá		X	
49	16000266	Võ Thúy	Kiều	Nữ	01/10/2001	Kiên Giang	16TCN-KTD	7,5	7,8	Khá	X	X	
50	16000397	Hồ Trần Ngọc	Mi	Nữ	03/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-KTD	7,2	6,3	Trung bình khá			
51	16001599	Lê Minh	Thư	Nữ	09/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-KTD	6,9	6	Trung bình khá			
52	16000340	Phạm Huỳnh Xuân	Thư	Nữ	15/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-KTD	6,7	6,7	Trung bình khá			
53	16003779	Nguyễn Thanh Mỹ	Tiên	Nữ	26/03/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-KTD	8,4	8,8	Giỏi	X		
54	16000401	Bùi Thị	Trâm	Nữ	08/01/2001	Đắk Lắk	16TCN-KTD	8,2	9,1	Xuất sắc	X	X	
55	16003347	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11/02/2000	Hà Nội	16TCN-KTD	6,8	7,1	Khá			
56	16000153	Vũ Ngọc Thụy	Vy	Nữ	30/06/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-KTD	7	7,8	Khá		X	
57	16000386	Huỳnh Thị Ngân	Xuyên	Nữ	16/11/2001	Bến Tre	16TCN-KTD	6,8	6,1	Trung bình khá			
58	16003871	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	18/03/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-LĐL1	6,7	6,9	Trung bình khá			
59	16000156	Trần Minh	Mẫn	Nam	07/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-LĐL1	6,7	8	Giỏi			
60	16000106	Nguyễn Xuân	Phú	Nam	22/03/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-LĐL1	7,3	8,2	Giỏi		X	

STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
61	16000124	Nguyễn Hoàng	Tâm	Nam	11/03/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-LĐL1	7,3	7,9	Khá		X	
62	16000269	Nguyễn Xuân	Đạt	Nam	27/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Ô1	7,1	6,4	Trung bình khá			
63	16000606	Huỳnh Trần Trường	Duy	Nam	25/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Ô1	6,3	5,7	Trung bình		X	
64	16000486	Thân Trọng Quốc	Huy	Nam	13/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Ô1	6,1	5,6	Trung bình			
65	16003691	Trần Quang	Linh	Nam	12/10/2001	Ninh Bình	16TCN-Ô1	6,3	6,4	Trung bình khá			
66	16003849	Lại Thế	Quyền	Nam	18/07/1994	Tây Ninh	16TCN-Ô1	8,4	8,1	Giỏi		X	
67	16000323	Huỳnh Vũ	Tiến	Nam	03/07/1997	Tây Ninh	16TCN-Ô1	6,4	6	Trung bình khá			
68	16000657	Võ Chí Lâm	Trường	Nam	13/04/1999	Quảng Ngãi	16TCN-Ô1	6,6	5,9	Trung bình			
69	16000790	Lê Minh	Cảnh	Nam	19/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	6,6	6,6	Trung bình khá		X	
70	16000315	Trần Tường	Duy	Nữ	02/04/2001	Cà Mau	16TCN-QTD	6,5	6,3	Trung bình khá			
71	16000172	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	09/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	7,1	7,8	Khá			
72	16003746	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	26/02/2001	Hà Nội	16TCN-QTD	7,9	7,3	Khá	X	X	
73	16000071	Nguyễn Thị Phi	Nhung	Nữ	23/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	7,2	8	Giỏi	X	X	
74	16001046	Châu Phú	Phát	Nam	17/05/2000	Tiền Giang	16TCN-QTD	6,9	6,7	Trung bình khá			
75	16000371	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	03/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	7	6,8	Trung bình khá			
76	16000287	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	07/02/2001	Hà Nam	16TCN-QTD	7,3	7,7	Khá		X	
77	16000272	Nguyễn Diệu	Thảo	Nữ	20/06/2001	Hà Nội	16TCN-QTD	7	7,7	Khá	X	X	
78	16001756	Hồ Hoàng Đăng	Thi	Nữ	26/06/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	8,4	9,1	Xuất sắc		X	
79	16000369	Phạm Ngọc Bích	Trâm	Nữ	10/07/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	7,8	7,1	Khá		X	
80	16003812	Nguyễn Văn Hoài	An	Nam	21/07/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	7,4	7,6	Khá		X	
81	16000026	Dương Gia	Chiêu	Nam	12/04/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	7,5	8,2	Giỏi		X	
82	16000506	Trần Quốc	Hưng	Nam	29/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	7,2	8,3	Giỏi		X	

STT	MSHS	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
83	16000295	Nguyễn Lê Anh	Khoa	Nam	15/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	7,1	7,7	Khá		X	
84	16000331	Lê Quang	Minh	Nam	23/07/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	6,6	6,7	Trung bình khá			
85	16000329	Lê Bắc	Nam	Nam	13/03/2001	Đồng Nai	16TCN-QTM1	7,1	8,1	Giỏi			
86	16002342	Lê Trọng	Nghĩa	Nam	18/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	7	7,3	Khá			
87	16000581	Nguyễn Cao Đức	Tài	Nam	03/05/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	7,3	7,5	Khá		X	
88	16000158	Nguyễn Tiến	Thiên	Nam	27/04/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	7,6	8,5	Giỏi		X	
89	16000057	Lại Minh	Trí	Nam	18/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	8,2	8,4	Giỏi			
90	16000165	Nguyễn Trường	Tú	Nam	15/03/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTM1	6,5	7,1	Khá		X	

Tổng cộng danh sách có **90** sinh viên.

* Loại **XUẤT SẮC** : 02 HS # 2.22 %
 * Loại **GIỎI** : 13 HS # 14.44 %
 * Loại **KHÁ** : 36 HS # 40.00 %
 * Loại **TRUNG BÌNH KHÁ** : 30 HS # 33.34 %
 * Loại **TRUNG BÌNH** : 09 HS # 10.00 %

Trong đó: Đã có CC Tin học : 08 (không tính 16 học sinh ngành QTM)
 Đã có CC Anh văn : 35

chữ



**DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA CŨ ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP
ĐỢT XÉT THÁNG 8/2019**

(Kèm theo Quyết định số: **939** /QĐ-LTT-ĐT ngày **28** tháng 8 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Quê quán	STC TL	TBC tích lũy	Xếp loại TN	TNVH	Có chứng chỉ		Ghi chú
											Tin học (A)	Anh văn (A)	
1	17000425	Lê Huỳnh Khánh Đại	Nam	19/8/1996	17T2- QTM1	Tp. Hồ Chí Minh	42	6,30	Trung bình	X			

Tổng cộng danh sách có **01** sinh viên.

* Loại **TRUNG BÌNH** : 01 HS # 100 %

Trong đó: Đã có CC Anh văn: 0

Signature